

Cấp giấy phép sử dụng EMICODE

Số giấy phép: 18477/01.12.17
Đối với sản phẩm: Màng lỏng gốc nước có độ đàn hồi, chống tia UV
Của công ty: Beijing Oriental Yuhong Waterproof Technology Co., LTD.
Theo đơn đăng ký ngày: 21/03/2024

Căn cứ vào việc phân loại theo các chỉ thị được nêu tại §10 của Hiến Chương Nhãn Hiệu GEV,
thay mặt GEV, đối với sản phẩm nêu trên theo § 5, mục 4 của Hiến chương Nhãn hiệu GEV, được cấp giấy phép sử
dụng nhãn hiệu GEV.



Sản phẩm này đáp ứng các hướng dẫn về tiêu chí sử dụng được liệt kê ở mặt sau.
Công ty là hội viên chính thức của GEV.

OM150 **25/03/2024**
có hiệu lực đến ngày 25/03/2029

(đã ký)
Tổng thư ký
Hiệp Hội Kiểm Soát Khí Thải Từ Các Sản Phẩm Lắp Đặt Sàn, Keo
Dán Và Vật Liệu Xây Dựng (GEV)
Völklinger Straße 4 D-40219 Düsseldorf

Hướng dẫn yêu cầu đối với việc cấp giấy phép EMICODE

Sản phẩm được đề cập ở mặt trước của giấy phép phải đáp ứng, trong số các điều kiện khác, các tiêu chí sau đây theo quy định của Hiến chương và hướng dẫn của Hội Đồng Cố Vấn Kỹ Thuật GEV:

Sản phẩm đáp ứng tất cả các yêu cầu pháp lý, đặc biệt là các quy định về hóa chất và các tiêu chuẩn liên quan.

Sản phẩm không chứa dung môi theo quy định tại mục 2.4 trong “Tiêu Chí Phân Loại GEV”, trừ trường hợp sản phẩm dùng để xử lý bề mặt. Nếu sản phẩm được phân vào nhóm sản phẩm theo mã GISCODE, thì có thể dán nhãn nhóm này.

Phiếu dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) được ban hành theo quy định pháp luật địa phương với phiên bản có hiệu lực tương ứng đối với sản phẩm.

Không có chất gây ung thư, đột biến gen, hoặc độc hại đến sinh sản thuộc loại 1A hoặc 1B được thêm vào trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Việc kiểm tra sản phẩm được thực hiện theo Phương pháp kiểm tra GEV. Việc xác định VOC được tiến hành trong buồng thử nghiệm, sau đó xử lý bằng quy trình Tenax / giải hấp nhiệt, và cuối cùng phân tích bằng GC/MS.

Việc phân loại cấp EMICODE được thực hiện dựa trên các tiêu chí và mức nồng độ TVOC/TSVOC sau đây. Cấp EMICODE tương ứng sẽ được sử dụng để dán nhãn cho sản phẩm:

1) Sản phẩm lắp đặt, keo dán và các sản phẩm xây dựng

Thông số	EC 1 ^{PLUS}	EC 1	EC 2
	nồng độ tối đa cho phép [µg/m ³]		
TVOC sau 3 ngày	≤ 750	≤ 1000	≤ 3000
TVOC sau 28 ngày	≤ 60	≤ 100	≤ 300
TSVOC sau 28 ngày	≤ 40	≤ 50	≤ 100
Giá trị R dựa trên LCI (NIK) của AgBB Đức sau 28 ngày	1	-	-
Tổng hợp chất VOC không thể đánh giá được	≤ 40	-	-
Formaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Acetaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Tổng form- và acetaldehyde	≤ 0,05 ppm	< 0,05 ppm	≤ 0,05 ppm
Tổng các hợp chất bay hơi loại C1A/C1B sau 3 ngày	≤ 10	≤ 10	≤ 10
Bất kỳ hợp chất bay hơi nào loại C1A/C1B sau 28 ngày	≤ 1	≤ 1	≤ 1

2) Sản phẩm xử lý bề mặt sàn cho sàn gỗ, sàn khoáng và sàn đàn hồi

Thông số	EC 1 ^{PLUS}	EC 1	EC 2
	nồng độ tối đa cho phép [µg/m ³]		
Tổng TVOC + TSVOC sau 28 ngày	≤ 100, trong đó tối đa 40 là SVOC	≤ 150, trong đó tối đa 50 là SVOC	≤ 450, trong đó tối đa 100 là SVOC
Formaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Acetaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Bất kỳ hợp chất bay hơi nào loại C1A/C1B sau 3 ngày	≤ 10	≤ 10	≤ 10
Bất kỳ hợp chất bay hơi nào loại C1A/C1B sau 28 ngày	≤ 1	≤ 1	≤ 1

Cấp giấy phép sử dụng EMICODE

Số giấy phép: 18478/01.12.17
Đối với sản phẩm: Màng lỏng trong suốt Acrylic
Của công ty: Beijing Oriental Yuhong Waterproof Technology Co., LTD.
Theo đơn đăng ký ngày: 21/03/2024

Căn cứ vào việc phân loại theo các chỉ thị được nêu tại §10 của Hiến Chương Nhân Hiệu GEV,
thay mặt GEV, đối với sản phẩm nêu trên theo § 5, mục 4 của Hiến chương Nhân hiệu GEV, được cấp giấy phép sử
dụng nhân hiệu GEV.



Sản phẩm này đáp ứng các hướng dẫn về tiêu chí sử dụng được liệt kê ở mặt sau.
Công ty là hội viên chính thức của GEV.

OM150 **25/03/2024**
có hiệu lực đến ngày 25/03/2029

(đã ký)
Tổng thư ký
Hiệp Hội Kiểm Soát Khí Thải Từ Các Sản Phẩm Lắp Đặt Sàn, Keo
Dán Và Vật Liệu Xây Dựng (GEV)
Völklinger Straße 4 D-40219 Düsseldorf

Hướng dẫn yêu cầu đối với việc cấp giấy phép EMICODE

Sản phẩm được đề cập ở mặt trước của giấy phép phải đáp ứng, trong số các điều kiện khác, các tiêu chí sau đây theo quy định của Hiến chương và hướng dẫn của Hội Đồng Cố Vấn Kỹ Thuật GEV:

Sản phẩm đáp ứng tất cả các yêu cầu pháp lý, đặc biệt là các quy định về hóa chất và các tiêu chuẩn liên quan.

Sản phẩm không chứa dung môi theo quy định tại mục 2.4 trong “Tiêu Chí Phân Loại GEV”, trừ trường hợp sản phẩm dùng để xử lý bề mặt. Nếu sản phẩm được phân vào nhóm sản phẩm theo mã GISCODE, thì có thể dán nhãn nhóm này.

Phiếu dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) được ban hành theo quy định pháp luật địa phương với phiên bản có hiệu lực tương ứng đối với sản phẩm.

Không có chất gây ung thư, đột biến gen, hoặc độc hại đến sinh sản thuộc loại 1A hoặc 1B được thêm vào trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Việc kiểm tra sản phẩm được thực hiện theo Phương pháp kiểm tra GEV. Việc xác định VOC được tiến hành trong buồng thử nghiệm, sau đó xử lý bằng quy trình Tenax / giải hấp nhiệt, và cuối cùng phân tích bằng GC/MS.

Việc phân loại cấp EMICODE được thực hiện dựa trên các tiêu chí và mức nồng độ TVOC/TSVOC sau đây. Cấp EMICODE tương ứng sẽ được sử dụng để dán nhãn cho sản phẩm:

1) Sản phẩm lắp đặt, keo dán và các sản phẩm xây dựng

Thông số	EC 1 ^{PLUS}	EC 1	EC 2
	nồng độ tối đa cho phép [µg/m3]		
TVOC sau 3 ngày	≤ 750	≤ 1000	≤ 3000
TVOC sau 28 ngày	≤ 60	≤ 100	≤ 300
TSVOC sau 28 ngày	≤ 40	≤ 50	≤ 100
Giá trị R dựa trên LCI (NIK) của AgBB Đức sau 28 ngày	1	-	-
Tổng hợp chất VOC không thể đánh giá được	≤ 40	-	-
Formaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Acetaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Tổng form- và acetaldehyde	≤ 0,05 ppm	< 0,05 ppm	≤ 0,05 ppm
Tổng các hợp chất bay hơi loại C1A/C1B sau 3 ngày	≤ 10	≤ 10	≤ 10
Bất kỳ hợp chất bay hơi nào loại C1A/C1B sau 28 ngày	≤ 1	≤ 1	≤ 1

2) Sản phẩm xử lý bề mặt sàn cho sàn gỗ, sàn khoáng và sàn đàn hồi

Thông số	EC 1 ^{PLUS}	EC 1	EC 2
	nồng độ tối đa cho phép [µg/m3]		
Tổng TVOC + TSVOC sau 28 ngày	≤ 100, trong đó tối đa 40 là SVOC	≤ 150, trong đó tối đa 50 là SVOC	≤ 450, trong đó tối đa 100 là SVOC
Formaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Acetaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Bất kỳ hợp chất bay hơi nào loại C1A/C1B sau 3 ngày	≤ 10	≤ 10	≤ 10
Bất kỳ hợp chất bay hơi nào loại C1A/C1B sau 28 ngày	≤ 1	≤ 1	≤ 1

Cấp giấy phép sử dụng EMICODE

Số giấy phép: 18479/01.12.17
Đối với sản phẩm: Vữa chống thấm gốc xi măng dễ thi công
Của công ty: Beijing Oriental Yuhong Waterproof Technology Co., LTD.
Theo đơn đăng ký ngày: 21/03/2024

Căn cứ vào việc phân loại theo các chỉ thị được nêu tại §10 của Hiến Chương Nhân Hiệu GEV,
thay mặt GEV, đối với sản phẩm nêu trên theo § 5, mục 4 của Hiến chương Nhân hiệu GEV, được cấp giấy phép sử
dụng nhân hiệu GEV.



Sản phẩm này đáp ứng các hướng dẫn về tiêu chí sử dụng được liệt kê ở mặt sau.
Công ty là hội viên chính thức của GEV.

OM150 **25/03/2024**
có hiệu lực đến ngày 25/03/2029

(đã ký)
Tổng thư ký
Hiệp Hội Kiểm Soát Khí Thải Từ Các Sản Phẩm Lắp Đặt Sàn, Keo
Dán Và Vật Liệu Xây Dựng (GEV)
Völklinger Straße 4 D-40219 Düsseldorf

Hướng dẫn yêu cầu đối với việc cấp giấy phép EMICODE

Sản phẩm được đề cập ở mặt trước của giấy phép phải đáp ứng, trong số các điều kiện khác, các tiêu chí sau đây theo quy định của Hiến chương và hướng dẫn của Hội Đồng Cố Vấn Kỹ Thuật GEV:

Sản phẩm đáp ứng tất cả các yêu cầu pháp lý, đặc biệt là các quy định về hóa chất và các tiêu chuẩn liên quan.

Sản phẩm không chứa dung môi theo quy định tại mục 2.4 trong “Tiêu Chí Phân Loại GEV”, trừ trường hợp sản phẩm dùng để xử lý bề mặt. Nếu sản phẩm được phân vào nhóm sản phẩm theo mã GISCODE, thì có thể dán nhãn nhóm này.

Phiếu dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) được ban hành theo quy định pháp luật địa phương với phiên bản có hiệu lực tương ứng đối với sản phẩm.

Không có chất gây ung thư, đột biến gen, hoặc độc hại đến sinh sản thuộc loại 1A hoặc 1B được thêm vào trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Việc kiểm tra sản phẩm được thực hiện theo Phương pháp kiểm tra GEV. Việc xác định VOC được tiến hành trong buồng thử nghiệm, sau đó xử lý bằng quy trình Tenax / giải hấp nhiệt, và cuối cùng phân tích bằng GC/MS.

Việc phân loại cấp EMICODE được thực hiện dựa trên các tiêu chí và mức nồng độ TVOC/TSVOC sau đây. Cấp EMICODE tương ứng sẽ được sử dụng để dán nhãn cho sản phẩm:

1) Sản phẩm lắp đặt, keo dán và các sản phẩm xây dựng

Thông số	EC 1 ^{PLUS}	EC 1	EC 2
	nồng độ tối đa cho phép [µg/m3]		
TVOC sau 3 ngày	≤ 750	≤ 1000	≤ 3000
TVOC sau 28 ngày	≤ 60	≤ 100	≤ 300
TSVOC sau 28 ngày	≤ 40	≤ 50	≤ 100
Giá trị R dựa trên LCI (NIK) của AgBB Đức sau 28 ngày	1	-	-
Tổng hợp chất VOC không thể đánh giá được	≤ 40	-	-
Formaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Acetaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Tổng form- và acetaldehyde	≤ 0,05 ppm	< 0,05 ppm	≤ 0,05 ppm
Tổng các hợp chất bay hơi loại C1A/C1B sau 3 ngày	≤ 10	≤ 10	≤ 10
Bất kỳ hợp chất bay hơi nào loại C1A/C1B sau 28 ngày	≤ 1	≤ 1	≤ 1

2) Sản phẩm xử lý bề mặt sàn cho sàn gỗ, sàn khoáng và sàn đàn hồi

Thông số	EC 1 ^{PLUS}	EC 1	EC 2
	nồng độ tối đa cho phép [µg/m3]		
Tổng TVOC + TSVOC sau 28 ngày	≤ 100, trong đó tối đa 40 là SVOC	≤ 150, trong đó tối đa 50 là SVOC	≤ 450, trong đó tối đa 100 là SVOC
Formaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Acetaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Bất kỳ hợp chất bay hơi nào loại C1A/C1B sau 3 ngày	≤ 10	≤ 10	≤ 10
Bất kỳ hợp chất bay hơi nào loại C1A/C1B sau 28 ngày	≤ 1	≤ 1	≤ 1

Cấp giấy phép sử dụng EMICODE

Số giấy phép: 18480/01.12.17
Đối với sản phẩm: Lớp phủ chống thấm gốc xi măng dẻo, ít mùi
Của công ty: Beijing Oriental Yuhong Waterproof Technology Co., LTD.
Theo đơn đăng ký ngày: 21/03/2024

Căn cứ vào việc phân loại theo các chỉ thị được nêu tại §10 của Hiến Chương Nhãn Hiệu GEV,
thay mặt GEV, đối với sản phẩm nêu trên theo § 5, mục 4 của Hiến chương Nhãn hiệu GEV, được cấp giấy phép sử
dụng nhãn hiệu GEV.



Sản phẩm này đáp ứng các hướng dẫn về tiêu chí sử dụng được liệt kê ở mặt sau.
Công ty là hội viên chính thức của GEV.

OM150 **25/03/2024**
có hiệu lực đến ngày 25/03/2029

(đã ký)
Tổng thư ký
Hiệp Hội Kiểm Soát Khí Thải Từ Các Sản Phẩm Lắp Đặt Sàn, Keo
Dán Và Vật Liệu Xây Dựng (GEV)
Völklinger Straße 4 D-40219 Düsseldorf

Hướng dẫn yêu cầu đối với việc cấp giấy phép EMICODE

Sản phẩm được đề cập ở mặt trước của giấy phép phải đáp ứng, trong số các điều kiện khác, các tiêu chí sau đây theo quy định của Hiến chương và hướng dẫn của Hội Đồng Cố Vấn Kỹ Thuật GEV:

Sản phẩm đáp ứng tất cả các yêu cầu pháp lý, đặc biệt là các quy định về hóa chất và các tiêu chuẩn liên quan.

Sản phẩm không chứa dung môi theo quy định tại mục 2.4 trong “Tiêu Chí Phân Loại GEV”, trừ trường hợp sản phẩm dùng để xử lý bề mặt. Nếu sản phẩm được phân vào nhóm sản phẩm theo mã GISCODE, thì có thể dán nhãn nhóm này.

Phiếu dữ liệu an toàn hóa chất (SDS) được ban hành theo quy định pháp luật địa phương với phiên bản có hiệu lực tương ứng đối với sản phẩm.

Không có chất gây ung thư, đột biến gen, hoặc độc hại đến sinh sản thuộc loại 1A hoặc 1B được thêm vào trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Việc kiểm tra sản phẩm được thực hiện theo Phương pháp kiểm tra GEV. Việc xác định VOC được tiến hành trong buồng thử nghiệm, sau đó xử lý bằng quy trình Tenax / giải hấp nhiệt, và cuối cùng phân tích bằng GC/MS.

Việc phân loại cấp EMICODE được thực hiện dựa trên các tiêu chí và mức nồng độ TVOC/TSVOC sau đây. Cấp EMICODE tương ứng sẽ được sử dụng để dán nhãn cho sản phẩm:

1) Sản phẩm lắp đặt, keo dán và các sản phẩm xây dựng

Thông số	EC 1 ^{PLUS}	EC 1	EC 2
	nồng độ tối đa cho phép [µg/m3]		
TVOC sau 3 ngày	≤ 750	≤ 1000	≤ 3000
TVOC sau 28 ngày	≤ 60	≤ 100	≤ 300
TSVOC sau 28 ngày	≤ 40	≤ 50	≤ 100
Giá trị R dựa trên LCI (NIK) của AgBB Đức sau 28 ngày	1	-	-
Tổng hợp chất VOC không thể đánh giá được	≤ 40	-	-
Formaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Acetaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Tổng form- và acetaldehyde	≤ 0,05 ppm	< 0,05 ppm	≤ 0,05 ppm
Tổng các hợp chất bay hơi loại C1A/C1B sau 3 ngày	≤ 10	≤ 10	≤ 10
Bất kỳ hợp chất bay hơi nào loại C1A/C1B sau 28 ngày	≤ 1	≤ 1	≤ 1

2) Sản phẩm xử lý bề mặt sàn cho sàn gỗ, sàn khoáng và sàn đàn hồi

Thông số	EC 1 ^{PLUS}	EC 1	EC 2
	nồng độ tối đa cho phép [µg/m3]		
Tổng TVOC + TSVOC sau 28 ngày	≤ 100, trong đó tối đa 40 là SVOC	≤ 150, trong đó tối đa 50 là SVOC	≤ 450, trong đó tối đa 100 là SVOC
Formaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Acetaldehyde sau 3 ngày	≤ 50	≤ 50	≤ 50
Bất kỳ hợp chất bay hơi nào loại C1A/C1B sau 3 ngày	≤ 10	≤ 10	≤ 10
Bất kỳ hợp chất bay hơi nào loại C1A/C1B sau 28 ngày	≤ 1	≤ 1	≤ 1